

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 06 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19
tháng 6 năm 2009;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng ngày 24 tháng 3 năm 2004;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học và
công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
67/TTr-SKHCN ngày 24 tháng 8 năm 2016.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến
khích ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn
2016-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/9/2016.

Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Lào Cai ban hành Quy định Chính sách ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đặng Xuân Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số: 88/2016/QĐ-UBND

ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí; cấp phát và xét duyệt quyết toán kinh phí; nghiệm thu dự án được hỗ trợ kinh phí thuộc chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai thông qua các hoạt động:

- Thực hiện dự án thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản mới có triển vọng phát triển tại Lào Cai;

- Thực hiện dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Thiết kế, đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp một số sản phẩm nông nghiệp.

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

2. *Nhãn hiệu tập thể* là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó.

3. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

4. *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ dự án thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản mới

Theo quy định tại điểm 2.1 Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND), các nội dung hỗ trợ đối với dự án thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản mới được quy định như sau:

1. Hỗ trợ dự án thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản mới có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế cao, cụ thể:

- a) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí mua cây, con giống mới;
- b) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua vật tư, thức ăn, phân bón chuyên dụng cho việc thử nghiệm giống cây mới, con mới và giống thủy sản mới;
- c) Tổng mức hỗ trợ tối đa các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, điều này cụ thể như sau:

- Đối với chăn nuôi gia súc: Hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/01 dự án;
- Đối với chăn nuôi gia cầm, thủy cầm: Hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/01 dự án;
- Đối với thủy sản: Hỗ trợ tối đa 250 triệu đồng/01 dự án;
- Đối với trồng trọt: Hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/01 dự án.

2. Điều kiện xét hỗ trợ:

a) Có cơ sở vật chất bảo đảm và năng lực tổ chức cho việc thực hiện dự án thử nghiệm;

b) Các giống nhập khẩu đưa vào thử nghiệm phải qua kiểm dịch của các cơ quan chức năng có thẩm quyền;

c) Các tổ chức, cá nhân thực hiện việc thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản phải tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, pháp lệnh giống cây trồng và các quy định khác của địa phương.

Điều 4. Hỗ trợ dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống

Theo quy định tại điểm 2.2 Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND, các nội dung hỗ trợ đối với dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống được quy định như sau:

1. Hỗ trợ dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, cụ thể:

- a) Hỗ trợ 70% kinh phí mua giống;
- b) Hỗ trợ 50% kinh phí mua vật tư, thức ăn, phân bón chuyên dụng;
- c) Tổng mức hỗ trợ tối đa cho các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Điều này không quá 400 triệu đồng.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

Có cơ sở vật chất bảo đảm và năng lực tổ chức cho việc tiếp nhận ứng dụng và chuyển giao.

Điều 5. Hỗ trợ thiết kế, đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp

Theo quy định tại điểm 2.3, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND, các nội dung hỗ trợ đối với kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu thông thường, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu bảo hộ ở nước ngoài được quy định như sau:

1. Đối với kiểu dáng công nghiệp:

Đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ kinh phí xác lập quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm. Mức hỗ trợ là 15 triệu đồng/văn bằng đã được bảo hộ.

2. Đối với nhãn hiệu thông thường:

Đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ kinh phí xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu cho sản phẩm. Mức hỗ trợ là 15 triệu đồng/nhãn hiệu đã được cấp Giấy chứng nhận.

3. Đối với nhãn hiệu tập thể:

Đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ kinh phí xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm mang tên địa danh. Mức hỗ trợ là 30 triệu đồng/nhãn hiệu đã được cấp Giấy chứng nhận.

4. Đối với nhãn hiệu bảo hộ ở nước ngoài:

Đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ kinh phí xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu cho các sản phẩm của đơn vị ở nước ngoài. Mức hỗ trợ bằng 50 triệu đồng cho 1 nhãn hiệu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu ở nước ngoài.

5. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

Chỉ hỗ trợ đối với kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu các sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền trong nước hoặc nước ngoài cấp văn bằng bảo hộ nhưng chưa được hỗ trợ kinh phí từ các chính sách hỗ trợ khác của tỉnh theo quy định.

Điều 6. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này;

b) Chủ động thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Điều 5 Quy định này;

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với những hồ sơ đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ. Đối với những hồ sơ không đủ điều kiện được hỗ trợ phải trả lời rõ bằng văn bản cho đơn vị, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ biết.

2. Các Sở ngành liên quan có trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung tại Điều 3, Điều 4 thuộc lĩnh vực ngành quản lý và gửi kết quả thẩm định bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Công tác cấp phát và xét duyệt quyết toán kinh phí

1. Sở Tài chính cấp phát kinh phí và xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân có dự án được hỗ trợ có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí các dự án được cấp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 8. Nghiệm thu dự án

1. Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức nghiệm thu kết quả các dự án thực hiện theo Quy định tại Điều 3, Điều 4 quy định này.

2. Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch kinh phí cho hoạt động kiểm tra, giám sát và nghiệm thu kết quả các dự án vào kế hoạch kinh phí hoạt động hàng năm của Sở.

3. Kinh phí cho hoạt động kiểm tra, giám sát và nghiệm thu kết quả các dự án được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học tỉnh.

Điều 9. Nguồn kinh phí

Kinh phí để thực hiện Chính sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh;

b) Có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh lập Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ

khoa học và công nghệ theo đúng quy định; Chủ trì việc thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ;

c) Tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch về nội dung, khối lượng và kinh phí đề nghị hỗ trợ từ chính sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện dự án;

đ) Tổng hợp, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện, tính hiệu quả của chính sách báo cáo UBND tỉnh;

e) Chủ trì tổ chức đánh giá nghiệm thu đối với các dự án thuộc Chính sách.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Có trách nhiệm kiểm tra chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản mới trước khi đưa vào thử nghiệm và ứng dụng trong sản xuất đại trà;

b) Thẩm định về nội dung, quy mô và định mức kinh tế kỹ thuật đối với các dự án thuộc chính sách;

c) Tham gia đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chính sách.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cân đối nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo quyết định này. Tổ chức thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ; tổ chức cấp phát kinh phí theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, đúng quy định pháp luật hiện hành;

b) Đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí, sử dụng kinh phí, thanh quyết toán kinh phí theo đúng chế độ và quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Tuyên truyền động viên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các hộ gia đình tích cực ứng dụng khoa học công nghệ vào trong sản xuất và đời sống;

b) Xác nhận tính khả thi của việc thực hiện dự án và nhân rộng tính khả thi của dự án đó ở địa phương.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia thực hiện chính sách

1. Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả.

2. Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền gửi báo cáo kết quả thực hiện dự án về Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ

theo chính sách đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao sẽ được đề nghị khen thưởng theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân, các hộ gia đình vi phạm quy định này tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật. Nếu gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện Quy định này. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND và Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đặng Xuân Phong